

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định về thủ tục hải quan đối với
phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ qui định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa, cửa khẩu đường sắt, cảng biển, cảng hàng không quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan; công chức hải quan.
2. Người khai hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.
3. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan* là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

2. *Hệ thống khai hải quan điện tử* là hệ thống thông tin do người khai hải quan sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

3. *Thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh* là thủ tục hải quan trong đó việc khai hải quan, tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và quyết định hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được thực hiện thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

4. *Thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh* là thủ tục hải quan trong đó việc khai hải quan, tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và quyết định hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được thực hiện bằng hồ sơ giấy.

5. *Hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh* là việc cơ quan Hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan

điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

6. *Hệ thống quản lý phương tiện đường bộ xuất nhập cảnh* là phần mềm do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để cập nhật thông tin, theo dõi và làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập.

Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan

1. Đối với phương tiện vận tải đường biển.

a) Địa điểm tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan:

a.1) Trụ sở cơ quan hải quan thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan;

a.2) Trụ sở chính hoặc Văn phòng đại diện Cảng vụ hàng hải nơi có cơ quan hải quan trong trường hợp bất khả kháng không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử (phải thực hiện thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy);

a.3) Tại tàu thuyền theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải trong trường hợp có đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của việc khai báo về kiểm dịch của tàu thuyền hoặc tàu thuyền đến từ những khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật hoặc thực vật.

b) Địa điểm kiểm tra thực tế phương tiện vận tải: tại cửa khẩu nơi phương tiện vận tải neo đậu theo chỉ định của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Đối với phương tiện vận tải đường hàng không quốc tế: trụ sở cơ quan hải quan tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.

3. Đối với phương tiện vận tải đường sắt liên vận quốc tế: trụ sở cơ quan hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế.

4. Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa.

a) Trụ sở cơ quan hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa;

b) Địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan các nước láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ.

Điều 5. Người khai hải quan

1. Đối với phương tiện vận tải đường biển.

a) Thuyền trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn gom hàng như mô tả chi tiết hàng hóa, người gửi hàng, người nhận hàng thì Công ty giao nhận phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn gom hàng đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Đối với phương tiện vận tải đường hàng không quốc tế.

a) Cơ trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (Hãng hàng không hoặc Đại lý hãng hàng không) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, nếu Hãng hàng không hoặc Đại lý hãng hàng không không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn gom hàng như mô tả chi tiết hàng hóa, người gửi hàng, người nhận hàng thì Công ty giao nhận phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn gom hàng đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

3. Đối với phương tiện vận tải đường bộ quốc tế: người điều khiển phương tiện vận tải hoặc Đại lý của người vận tải hoặc người đại diện cho đoàn đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư này.

4. Đối với phương tiện vận tải đường sắt liên vận quốc tế: Trưởng ga ga liên vận quốc tế hoặc Trưởng tàu hoặc người được Trưởng ga hoặc Trưởng tàu ga liên vận quốc tế ủy quyền.

Điều 6. Đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Đối tượng thực hiện.

a) Hãng hàng không có chuẩn dữ liệu phần mềm khai hải quan phù hợp với chuẩn dữ liệu do Tổng cục Hải quan công bố;

b) Hãng hàng không gửi Thông báo tham gia bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 1 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này) gửi đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo tham gia của Hãng hàng không, Tổng cục Hải quan xem xét trả lời chấp nhận hoặc từ chối (nêu rõ lý do) thông qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan để Hãng hàng không biết;

d) Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Hãng hàng không, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Đại lý hãng hàng không và Công ty giao nhận. Khi nhận được thông báo cấp tài khoản của Tổng cục Hải quan hoặc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Hãng hàng không, Đại lý hãng hàng không, Công ty giao nhận chịu trách nhiệm trong việc thay đổi, bảo quản và sử dụng tài khoản được cấp.

2. Các Hãng hàng không chưa thực hiện thủ tục hải quan điện tử, việc làm thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy thực hiện theo quy định tại Mục 4, Chương II, Phần II Thông tư này.

Điều 7. Đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Đối tượng thực hiện.

a) Tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trừ các loại tàu nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này;

b) Các loại tàu khác theo quy định tại Điều 50, Điều 58 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP, tàu không có số hồ hiệu (số IMO) nếu phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật thì thực hiện thủ tục bằng hồ sơ giấy hướng dẫn tại Mục 4, Chương I, Phần II Thông tư này.

2. Thủ tục đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

a) Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Hãng tàu, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Đại lý hãng tàu và Công ty giao nhận. Khi nhận được thông báo cấp tài khoản của Tổng cục Hải quan hoặc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận chịu trách nhiệm trong việc thay đổi, bảo quản và sử dụng tài khoản được cấp;

b) Trường hợp Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận đã được cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử thì không phải đăng ký lại theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

1. Khai hải quan và gửi thông tin khai hải quan đối với tàu biển, tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phải thực hiện trước khi tàu đến cảng và trước khi tàu rời cảng theo thời hạn quy định tại Điều 69 Luật Hải quan.

2. Việc xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được quyết định trước khi tàu đến cảng hoặc rời cảng trên cơ sở thông tin khai hải quan.

Điều 9. Thu lệ phí làm thủ tục hải quan

1. Về đối tượng, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí hải quan thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Địa điểm nộp: người khai hải quan thực hiện chuyển tiền, nộp tiền tại Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng, tổ chức được cơ quan hải quan ủy nhiệm thu, cơ quan hải quan.

3. Hình thức nộp lệ phí hải quan.

a) Đối với phương tiện vận tải thực hiện thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy, người khai hải quan nộp lệ phí hải quan theo từng lần phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Đối với phương tiện vận tải thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức điện tử, người khai hải quan được lựa chọn nộp lệ phí theo từng lần phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc nộp lệ phí theo từng tháng. Thủ tục nộp lệ phí theo từng tháng thực hiện như sau: